

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS - ST

Ngày: 06 - 6 - 2019.

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Ánh Minh.

Bà Lê Thị Hồng Nhan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2018/TLST - DS, ngày 10/12/2018 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST - DS, ngày 17/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1963 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1959 và bà Phan Thị V, sinh năm 1957 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày: Vào ngày 27/7/2018 ông Nguyễn Kim Đ, bà Phan Thị V có mua vệt của ông với số tiền là 7.260.000 đồng, ông Đ trả được 3.800.000 đồng, còn nợ lại 3.460.000 đồng ông đòi nhiều lần nhưng ông Đ không trả. Sau đó ông có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre tiến hành hòa giải thì ông Đ thừa nhận nợ ông số tiền 3.460.000 đồng và hứa trả trong 02 đợt, đợt 01 là ngày 21/10/2018 và đợt 02 là ngày 28/10/2018 trả hết nợ nhưng ông Đ không thực hiện. Nay ông yêu cầu ông Đ và vợ là bà Phan

Thị V phải liên đới hoàn trả cho ông số tiền 3.460.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Lê Văn M có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Kim Đ, bà Phan Thị V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[2] Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Vào năm 2018, ông Lê Văn M có bán vịt cho ông Nguyễn Kim Đ, bà Phan Thị V. Do bên mua không thanh toán đủ tiền nên phát sinh tranh chấp. Căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì ông Nguyễn Kim Đ thừa nhận còn nợ ông Lê Văn M số tiền mua vịt là 3.460.000 đồng và thỏa thuận ngày 13/9/2018 trả 1.500.000 đồng, ngày 20/9/2018 trả 1.960.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông M cho rằng ông Đ không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận nên ông yêu cầu ông Đ và bà V phải hoàn trả số tiền còn nợ là 3.460.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì ông Đ thừa nhận nghĩa vụ chưa thanh toán cho ông M số tiền 3.460.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông Đ và bà V cung cấp chứng cứ để chứng minh ông Đ và bà V không có nợ ông M số tiền 3.460.000 đồng và không có nghĩa vụ phải liên đới hoàn trả số tiền nêu trên cho ông M nhưng ông Đ và bà V không cung cấp chứng cứ cũng như không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Do đó có căn cứ để xác định ông Đ, bà V có nợ ông M số tiền mua vịt là 3.460.000 đồng. Do ông Đ, bà V không thanh toán tiền đúng như thỏa thuận khi các bên mua bán làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông M nên căn cứ vào Điều 430, 440 và Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông Đ và bà V phải liên đới hoàn trả cho ông M số tiền 3.460.000 đồng là phù hợp.

[3] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 430, 440, 288 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Kim Đ, bà Phan Thị V có nghĩa vụ phải liên đới hoàn trả cho ông Lê Văn M số tiền 3.460.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc ông Nguyễn Kim Đ và bà Phan Thị V phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lê Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện